

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/KDTM-PT

Ngày: 02 – 7 – 2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Văn Toàn

Các Thẩm phán: 1. Bà Đinh Thị Tuyết

2. Ông Hoàng Kim Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Đào Anh Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2020/KDTM-PT ngày 10/02/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 19/2019/KDTM-ST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2020/QĐXX-PT ngày 31/3/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Đường L, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vương Hồng L. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

(Quyết định ủy quyền số 510/QĐ – HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên)

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đoàn Hữu C1. Chức vụ: Phó Giám đốc - Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk - Phòng giao dịch T, có mặt.

Địa chỉ: Đường M, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

(Giấy ủy quyền số 886/NHNo-PC ngày 26/4/2018 của Giám đốc Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk)

2. Bị đơn:

- Bà Trần Thị Quỳnh A (có mặt);
- Ông Lâm Hữu N1 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Văn T1 (có đơn xin xét xử vắng mặt);
- Bà Trần Thị T2 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị T2: Ông Trần Đình Q, sinh năm: 1976 (theo giấy ủy quyền ngày 03/6/2020), có mặt.

Địa chỉ: Số 75 đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người kháng cáo: Người có quyền lợi, N1 vụ liên quan ông Trần Văn T1, bà Trần Thị T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/10/2016, bà Trần Thị Quỳnh A, ông Lâm Hữu N1 (Hộ kinh doanh N2; có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Hộ kinh doanh số 40A8017841) có ký hợp đồng tín dụng số 5200LAV201604933 với Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk, Phòng giao dịch T để vay số tiền 2.000.000.000 đồng. Mục đích vay để kinh doanh mỹ phẩm; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; hạn trả nợ ngày 05/10/2017.

Tài sản thế chấp để bảo đảm trả nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của người khác số 42/2015TC ngày 30/9/2015 giữa ông Trần Văn T1, bà Trần Thị T2 với Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk, Phòng giao dịch T, gồm: Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4001030167 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 29/10/1997, mang tên ông Trần Văn T1, bà Trần Thị T2; thửa đất số 207, tờ bản đồ số: Độc Lập; tại địa chỉ: 19d đường N (nay là số 75 đường N), phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Hợp đồng thế chấp số 42/2015TC ngày 30/9/2015 đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Từ ngày vay đến nay, bà Trần Thị Quỳnh A và ông Lâm Hữu N1 không trả cho Ngân hàng khoản nợ nào. Tính đến ngày 29/10/2019, bà Trần Thị Quỳnh A và ông Lâm Hữu N1 còn nợ Ngân hàng tổng số tiền nợ là 2.831.944.444 đồng; trong đó, nợ gốc 2.000.000.000 đồng; nợ lãi 831.944.444 đồng (lãi trong hạn: 622.222.222 đồng; lãi quá hạn 209.722.222 đồng).

Nay Ngân hàng yêu cầu bà Trần Thị Quỳnh A và ông Lâm Hữu N1 phải trả toàn bộ số tiền nợ trên và lãi phát sinh từ ngày 30/10/2019 cho đến khi trả hết nợ theo quy định của Hợp đồng tín dụng.

Trong trường hợp bà Trần Thị Quỳnh A và ông Lâm Hữu N1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của ông Trần Văn T1, bà Trần Thị T2 đã thế chấp ghi cụ thể trong Hợp đồng thế chấp số 42/2015TC ngày 30/9/2015 sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

- Bị đơn bà Trần Thị Quỳnh A trình bày:

Đối với hợp đồng tín dụng số 5200LAV201604933 bà Quỳnh A, ông N1 ký với Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk, Phòng giao dịch T đúng như phía nguyên đơn trình bày. Số tiền vay 2.000.000.000 đồng; mục đích vay để kinh doanh mỹ phẩm; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; hạn trả nợ ngày 05/10/2017. Từ khi vay đến nay do khó khăn về kinh tế nên bà Quỳnh A và ông N1 chưa trả được khoản nợ nào cho Ngân hàng, nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông N1 và bà Quỳnh A trả nợ thì bà đồng ý.

Khi vay để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng số 5200LAV201604933 của bà A, ông N1 thì ông Trần Văn T1, bà Trần Thị T2 (bố mẹ của bà Quỳnh A) dùng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4001030167 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 29/10/1997, mang tên ông Trần Văn T1, bà Trần Thị T2; thửa đất số 207, tờ bản đồ số: Độc Lập; tại địa chỉ: 19d đường N (nay là số 75 đường N), phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thế chấp cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp số 42/2015TC ngày 30/9/2015. Đối với tài sản trên sau khi thế chấp cho Ngân hàng năm 2017 ông Trần Đình Q, bà Trần Thị Quỳnh C, bà Trần Thị Quỳnh T3 (con của ông T1, bà T2) đã xây dựng, coi nói thêm một tầng, hiện nay căn nhà là 04 tầng. Đề nghị Toà án xem xét đối với phần diện tích coi nói thêm.

- Người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Trần Thị T2 trình bày:

Ngày 30/9/2015 ông Trần Văn T1, bà Trần Thị T2 ký hợp đồng thế chấp số 42/2015TC, thế chấp cho Ngân hàng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4001030167 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 29/10/1997, mang tên ông Trần Văn T1, bà Trần Thị T2; thửa đất số 207, tờ bản đồ số: Độc Lập; tại địa chỉ: 19d đường N (nay là số 75 đường N), phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Thời điểm ký kết

ông T1, bà T2 đã quá độ tuổi ký kết hợp đồng. Tài sản trên từ nhỏ đến lớn ông Trần Đình Q, bà Trần Thị Quỳnh C, bà Trần Thị Quỳnh T3 cùng sinh sống. Khi ông T1, bà T2 thế chấp tài sản cho Ngân hàng thì các con đều không biết. Cuối năm 2017 do ông T1, bà T2 đã già nên ông Q cùng bà C, bà T3 có bỏ tiền ra xây dựng coi nói thêm một tầng, hiện nay căn nhà có 04 tầng. Đề nghị Toà án xem xét đưa ông Q, bà C, bà T3 vào tham gia tố tụng bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của ông Q, bà C, bà T3.

Bị đơn ông Lâm Hữu N1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của ông N1 không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Tại bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 19/2019/KDTM-ST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột đã quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 144; Điều 147; Điều 157, Điều 158; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự 2005;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng N. Buộc bà Trần Thị Quỳnh A và ông Lâm Hữu N1 phải trả cho Ngân hàng N tổng số tiền nợ là 2.831.944.444 đồng; trong đó, nợ gốc 2.000.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 29/10/2019 là 831.944.444 đồng (lãi trong hạn: 622.222.222 đồng; lãi quá hạn 209.722.222 đồng). Tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 30/10/2019 cho đến khi trả hết nợ gốc theo quy định của Hợp đồng tín dụng.

- Sau khi bà Quỳnh A và ông N1 trả hết nợ, Ngân hàng N có nghĩa vụ trả lại cho ông T1, bà T2 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4001030167, do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 29/10/1997.

- Trong trường hợp bà Quỳnh A và ông N1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng N1 vụ trả nợ thì quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của ông Trần Văn T1, bà Trần Thị T2 đã thế chấp ghi cụ thể trong Hợp đồng thế chấp số 42/2015TC ngày 30/9/2015 sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/11/2019, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm, xem xét lại các thủ tục tố tụng có đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt là đúng quy định pháp luật. Các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp được ký kết trên cơ sở tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Cần buộc bà A, ông N1 phải trả nợ cho Ngân hàng, nếu bà A, ông N1 không thực hiện N1 vụ thì xử lý hợp đồng thế chấp theo quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 19/2019/KDTM-ST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Ngày 05/10/2016 bà Trần Thị Quỳnh A và ông Lâm Hữu N1 (Hộ kinh doanh N2) ký hợp đồng tín dụng số 5200LAV201604933 vay của Ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk, Phòng giao dịch T số tiền 2.000.000.000 đồng, mục đích vay để kinh doanh mỹ phẩm; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; hạn trả nợ ngày 05/10/2017.

Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của bà Quỳnh A và ông N1. Ngày 30/9/2015, ông Trần Văn T1 và bà Trần Thị T2 (là bố mẹ đẻ của bà Trần Thị Quỳnh A) đã ký Hợp đồng thế chấp số 42/2015TC với Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk, Phòng giao dịch T, để thế chấp tài sản là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của ông T1, bà T2 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4001030167, thửa đất số 207, tờ bản đồ số: Độc Lập; tại địa chỉ: 19d đường N (nay là số 75 đường N), phường T, thành phố B do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 29/10/1997 cho ông Trần Văn T1, bà Trần Thị T2;

hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm thế chấp tháng 9 năm 2015 tài sản gắn liền với đất là nhà ở 03 tầng. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ngày 28/3/2019 Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xem xét thẩm định tại chỗ, phần tài sản thế chấp đã không kiểm tra kỹ nên lập biên bản xác định quyền sử dụng đất và nhà giữ nguyên như hợp đồng thế chấp tài sản, không xem xét đến phần tài sản phát sinh. Các con của ông T1, bà T2 là ông Trần Đình Q, bà Trần Thị Quỳnh T3, bà Trần Thị Quỳnh C có đơn khiếu nại cho rằng, năm 2017 do ông T1, bà T2 tuổi cao, sức yếu nên ông Q, bà C, bà T3 đã bỏ tiền xây dựng thêm tầng 4 của ngôi nhà và sửa chữa một số phòng trong ngôi nhà, nhưng cấp sơ thẩm không đưa ông Q, bà C, bà T3 vào tham gia tố tụng là không đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của họ. Ngày 18/6/2020 Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét thẩm định tại chỗ, tài sản gắn liền với đất là căn nhà 04 tầng, có thay đổi hiện trạng so với tại thời điểm thế chấp. Để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của những người đã đóng góp, xây dựng thêm một tầng của căn nhà, cần đưa những người này vào tham gia tố tụng, thiếu sót này cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi và N1 vụ liên quan, huỷ bản án sơ thẩm.

[2] Về chi phí tố tụng và án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do huỷ bản án sơ thẩm nên chi phí tố tụng và án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại theo quy định pháp luật.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Xét thấy sau khi có đơn kháng cáo Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột ban hành thông báo nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho người kháng cáo và yêu cầu nộp số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm kinh doanh thương mại mỗi người 300.000 đồng là không đúng với Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định số tiền phải nộp là 2.000.000 đồng, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Do huỷ bản án sơ thẩm nên ông Trần Văn T1, bà Trần Thị T2 không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T1, bà Trần Thị T2 – Huỷ bản án sơ thẩm số: 19/2019/KDTM-ST ngày 29/10/2019

của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng và án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do huỷ bản án sơ thẩm nên chi phí tố tụng và án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại theo quy định pháp luật.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ông Trần Văn T1, bà Trần Thị T2 không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Trả lại cho ông Trần Văn T1, bà Trần Thị T2 mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí lần lượt theo các biên lai thu số AA/2019/0005394 và AA/2019/0005393 ngày 05/12/2019 do bà Trần Thị Quỳnh C đã nộp thay ông Trần Văn T1, bà Trần Thị T2 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp.B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trịnh Văn Toàn